

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2019
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Thiên.
2. Bà Phan Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTQT, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Tổ dân phố xxx, phường HB, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh VHC, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Số xx hẻm THĐ, tổ dân phố xx, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị NTQT trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh VHC chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Việc kết hôn là do hai

người tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân anh C không chịu tu chí làm ăn, đam mê cờ bạc, cá độ bóng đá, số đề dẫn đến nợ nần nhiều người và lấy tiền bạc của gia đình đi trả nợ cho việc cờ bạc, cá độ. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe, do đó chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh VHC.

- Về con chung: Chị T và anh VHC không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh VHC không có tài sản chung, cũng không có trách nhiệm chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh VHC hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số xx hẻm THĐ, tổ dân phố xx, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Anh C đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ và đã biết việc chị NTQT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh C không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh C cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh VHC không chấp hành và không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như không đến Tòa án làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị NTQT cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị NTQT và anh VHC là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị NTQT được ly hôn với anh VHC.

Về con chung: Chị NTQT và anh VHC không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTQT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị NTQT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị NTQT khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh VHC có nơi cư trú tại: Tổ dân phố xx, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh VHC không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị NTQT cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Bị đơn anh VHC không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không nộp chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, căn cứ các Điều 91, Điều 92 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị NTQT và anh VHC đăng ký kết hôn ngày 30/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh C cờ bạc, cá độ bóng đá, số đề dẫn đến nợ nần nhiều người mặc dù chị T đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy, giữa chị T và anh C sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; chị T yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị NTQT được ly hôn với anh VHC là hợp lý.

- Về con chung: Chị NTQT và anh VHC không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTQT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị NTQT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 96, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị NTQT.

1. Về hôn nhân: Chị NTQT được ly hôn với anh VHC.

2. Về con chung: Chị NTQT và anh VHC không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị NTQT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Chị NTQT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trang đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001942, ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Trang đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ksor Thiên

Phan Thị Nhàn

Siu Lanh

